

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 02/6/2025

"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh N

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Văn N1;

2. Bà Đoàn Thị T

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị P - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:* Ông Trần Văn M - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2025/DSST - HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025 về “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2025/QĐST - HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Vũ Đức T, sinh năm 1984. Có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Chị Bùi Thị C, sinh năm 1987. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đều có địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

Người làm chứng:

- Ông Vũ Mạnh H, sinh năm 1941. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

- Bà Bùi Thị H, sinh năm 1961. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn anh Vũ Đức T trình bày:

Anh Vũ Đức T và chị Bùi Thị C có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Hưng Yên vào ngày 25/7/2024 theo quy định của pháp luật. Ngay sau khi kết hôn anh T và chị C đã bất đồng quan điểm, do chưa hiểu hết tính cách của nhau nên anh chị có rất nhiều mâu thuẫn, anh chị đã cố gắng nhưng không thể hòa hợp, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Chị C không lo toan cho gia đình trong khi bố mẹ anh T thì cao tuổi cần có người gần gũi chia sẻ nhưng chị C lại cho đó là gánh nặng nên lúc nào cũng có thái độ nặng nề với anh và gia đình anh. Mẹ anh T rất thương yêu chị C muốn coi chị C như con gái nhưng chị C luôn có thái độ kỳ thị, ác cảm với mẹ anh T, đòi anh T phải ra ngoài ở riêng. Chị C đã có lần viết đơn ly hôn và bảo nếu anh T không làm theo yêu cầu của chị C thì anh T hãy ký vào đơn ly hôn để giải thoát cho chị C. Anh T và gia đình đã động viên chị C nên chị C không yêu cầu ly hôn nữa nhưng giữa anh T và chị C sống với nhau như hai người xa lạ, vợ chồng cãi nhau nhiều hơn. Chị C còn cho rằng anh T và gia đình không thương yêu chị C và chị C còn nói rằng chị rất khổ khi sống với gia đình anh T nên anh chị càng mâu thuẫn nhiều hơn, chị C đi đâu làm gì anh T và gia đình không ai biết, anh T có gọi điện nhắn tin động viên chị C nhưng chị C vẫn không nghe lời khuyên bảo của anh T. Chị C đã chuyển ra ngoài sống từ tháng 12/2024. Anh T đã gọi điện khuyên bảo chị C mong vợ chồng về xây dựng hạnh phúc nhưng không có kết quả. Anh T có tìm hiểu từ di H là di ruột của chị C thì được biết Tết Nguyên Đán năm 2025 chị C về quê ăn Tết với bố mẹ đẻ, Tết xong chị C lại về sống với di H vài ngày rồi chuyển ra ngoài sống không sống với di H nữa. Anh T có gọi điện nhắn tin hỏi han, động viên chị C về, anh hỏi chị C ở đâu để anh tới đón về nhưng chị C chỉ nói ở quanh đây và hiện đang làm ở một công ty gần nhà, anh T hỏi công ty nào nhưng chị C không nói. Anh T tìm mọi cách để biết thông tin chị C ở đâu để tới đón về nhưng đều không biết được thông tin chị C ở đâu và chỉ được nghe chị C nói chuyện qua điện thoại, chị C nói còn tình cảm với nhau đâu mà về. Anh T tha thiết mong chị C về để vợ chồng vun đắp hạnh phúc nhưng chị C nói rằng chị C tưởng gia đình anh giàu nào ngờ gia đình anh tham ăn, tiếc của, rồi gieo tiếng ác cho gia đình anh. Khi gia đình anh biết chị C vẫn ở gần nhà anh thì gia đình cũng động viên anh T đón chị C về nhà ở để mẹ anh T chăm sóc anh chị nhưng chị C nói láo và cương quyết không nghe. Chị C không còn tình cảm với anh nên vợ chồng có chung sống cũng không thể mang lại hạnh phúc cho nhau. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 12/2024 cho tới nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, không tìm được tiếng nói chung.

Nay anh T xác định không còn tình cảm với chị C nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện T giải quyết cho anh được ly hôn với chị C.

Về con chung: Anh T và chị C không có con chung với nhau.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần gửi giấy triệu tập chị Bùi Thị C đến Tòa án để tiến hành lấy lời khai nhưng chị C đều vắng mặt. Tòa án có đến gia đình anh T, chị C để thu thập chứng cứ, xác định quan điểm của chị C về việc anh T yêu cầu ly hôn với chị nhưng chị C đều không có nhà, gia đình cũng không biết chị C thuê trọ ở đâu chỉ biết chị có thuê

trợ ở gần nhà nên Tòa án đã cùng địa phương đã tiến hành niêm yết Thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập theo đúng quy định của pháp luật.

Xác minh tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Hưng Yên thể hiện: Anh T và chị C có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Hưng Yên theo giấy chứng nhận kết hôn số 24/2024 ngày 25/7/2024. Theo Ủy ban nhân dân xã cung cấp: Vợ chồng anh T chị C sống hạnh phúc được một thời gian rất ngắn thì mâu thuẫn, có xảy ra tranh cãi, bất đồng quan điểm sống không quan tâm chăm sóc nhau nên hôn nhân không có hạnh phúc. Anh T chị C đã sống ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai, anh chị đều có hộ khẩu thường trú tại địa phương, chị C thỉnh thoảng vẫn về địa phương và chị C biết việc anh T yêu cầu ly hôn với chị qua việc niêm yết văn bản tại địa phương. Nay anh Vũ Đức T có đơn xin ly hôn với chị Bùi Thị C, quan điểm của UBND xã N, huyện T là đề nghị Tòa án căn cứ quy định pháp luật để giải quyết vụ án.

Người làm chứng ông Vũ Mạnh H là bố đẻ của Vũ Đức T trình bày: Anh T và chị C tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn anh chị xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, anh chị không tìm được tiếng nói chung, hôn nhân không có hạnh phúc. Anh T, chị C đã sống ly thân. Quan điểm của ông H: Hôn nhân của anh T chị C không hạnh phúc đề nghị Tòa án giải quyết cho anh T chị C được ly hôn.

Người làm chứng bà Bùi Thị H là dì ruột của chị Bùi Thị C trình bày: Hôn nhân của anh T chị C không còn hạnh phúc là do không được sự đồng thuận của các thành viên trong gia đình anh T. Chị C đã không sống cùng anh T mà bỏ ra ngoài sống từ tháng 12/2024, chị C không sống với gia đình bà và bà cũng không biết chị C sống ở đâu. Có lần chị C chia sẻ với bà là chị C xác định không duy trì hôn nhân với anh T nữa nên C cũng không dành tình cảm cho anh T, anh chị đã sống ly thân, hôn nhân của anh chị không có hạnh phúc. Anh chị không có con chung và không có tài sản chung. Quan điểm của bà Hòa: Đề nghị Tòa án giải quyết cho anh T chị C được ly hôn vì anh chị có sống với nhau cũng không có hạnh phúc.

Tại phiên họp kiểm tra việc gia nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 18/4/2025. Anh T đã có đơn từ chối hòa giải. Với lý do, trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dù chị C biết việc anh T yêu cầu ly hôn với chị nhưng vẫn thường xuyên vắng mặt tại Tòa án.

Ngày 14/5/2025, Tòa án nhân dân huyện T tiến hành đưa ra xét xử vụ án, Nguyên đơn anh Vũ Đức T có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Chị C được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay: Anh Vũ Đức T có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, anh vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với chị C. Anh chị không có con chung. Anh chị không có tài sản chung.

Bị đơn chị Bùi Thị C được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do

Chủ tọa phiên tòa công bố các lời khai của đương sự và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

* Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T. Hoạt động thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục, đảm bảo khách quan. Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng. Bị đơn chưa chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Đức T. Xử cho anh Vũ Đức T được ly hôn với chị Bùi Thị C.

- Về con chung: Anh chị không có con chung nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh chị không có, chị C không có quan nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Anh T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Vũ Đức T yêu cầu giải quyết ly hôn với chị Bùi Thị C có nơi cư trú tại xã N, huyện T, tỉnh Hưng Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn anh Vũ Đức T có đơn xin vắng mặt tại phiên xét xử. Chị C mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt không có lý do tại phiên tòa ngày 14/5/2025 nên Tòa án nhân dân huyện T đã ra Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2025/QĐST - HNGĐ ngày 14/5/2025 và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào hồi 08 giờ 00 phút ngày 02/6/2025. Chị C đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt anh T, chị C theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Đức T và chị Bùi Thị C có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Hưng Yên theo giấy chứng nhận kết hôn số 24/2024 ngày 25/7/2024 trên cơ sở tự nguyện, hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Sau khi kết hôn được một thời gian rất ngắn thì anh chị xảy ra mâu thuẫn. Chị C cho rằng anh T và gia đình không thương yêu chị C và còn cho rằng khổ

khi sống với gia đình anh T nên vợ chồng không thể hòa hợp, chị C đi đâu làm gì anh T và gia đình không ai biết, anh T có gọi điện nhắn tin động viên chị C mong chị C về vợ chồng cùng nhau chia sẻ nhưng chị C vẫn không nghe. Chị C không nghe khuyên bảo của gia đình chồng và đã chuyển ra ngoài sống từ tháng 12/2024. Mặc cho anh T gọi điện khuyên bảo mong vợ chồng về xây dựng hạnh phúc nhưng chị C không quan tâm. Anh chị không thể nói chuyện được với nhau nữa và đã sống ly thân từ tháng 12/2024 cho tới nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, cả hai đều không mang lại hạnh phúc cho nhau, không tìm được tiếng nói chung. Đến nay anh T vẫn kiên quyết xin được ly hôn với chị C.

Sau khi chị C biết thông tin anh T yêu cầu ly hôn với chị qua các văn bản và giấy triệu tập của Tòa án niêm yết tại địa phương và gia đình, chị C vẫn không đến Tòa án để trình bày quan điểm về việc anh T yêu cầu ly hôn với chị. Tòa án tiến hành hòa giải để cho chị C có cơ hội đoàn tụ gia đình với anh T, chị C không tham gia hòa giải để vợ chồng đoàn tụ và đều vắng mặt không có lý do. Cùng với sự trình bày của những người làm chứng là ông Vũ Mạnh H và bà Bùi Thị H đều thể hiện anh T và chị C có xảy ra mâu thuẫn, hôn nhân của anh chị không có hạnh phúc, anh chị đã sống ly thân. Quá trình điều tra thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa, chị C đều không đến làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án. Điều này thể hiện chị C không có thiện chí xây dựng hạnh phúc gia đình với anh T. Anh T vẫn giữ quan điểm kiên quyết xin ly hôn với chị C.

Từ những căn cứ trên, HĐXX nhận thấy mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên tòa là phù hợp với khoản 1 điều 56 Luật HNGĐ.

[3]. Về con chung: Anh chị không có con chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, công sức; nợ nần: Anh T xác định không có, chị C không có quan điểm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Anh Vũ Đức T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

[6]. Quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên tòa về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51, 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Vũ Đức T.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho anh Vũ Đức T được ly hôn với chị Bùi Thị C.

- *Về con chung:* Anh Vũ Đức T và chị Bùi Thị C không có con chung.

- *Về tài sản chung:* Anh T xác định không có, chị C không có quan điểm nên không xem xét, giải quyết.

- *Về án phí:* Nguyên đơn anh Vũ Đức T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số BLTU/24 số 0001099 ngày 11/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Anh T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã N (CNKH số 24/2024);
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh N